



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: ~~2747~~ 2747/2023/QĐ-MIC

Hà Nội, ngày 27 tháng 12 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
Về việc ban hành Bảng tỷ lệ trả tiền thương tật

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM QUÂN ĐỘI

Căn cứ Giấy phép thành lập và hoạt động số 43 GP/KDBH ngày 08/10/2007 của Bộ Tài chính và các Giấy phép điều chỉnh của Bộ Tài chính.

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Quân Đội (MIC).

Theo đề nghị của Phòng Phát triển sản phẩm Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Quân Đội.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Ban hành kèm theo Quyết định này “Bảng tỷ lệ trả tiền thương tật” thay thế cho “Bảng tỷ lệ trả tiền thương tật” ban hành theo Quyết định số 308/2018/QĐ-MIC 02/01/2018.

Điều 2: Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3: Ban Tổng giám đốc, Giám đốc các Khối, Trưởng Phòng các phòng thuộc Hội sở MIC, Giám đốc các đơn vị thành viên và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- VP HĐQT (để b/c);
- Ban kiểm soát (để p/h);
- Lưu: VT, PTSP, TSKT.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM QUÂN ĐỘI



PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC THƯỜNG TRỰC
KIỂM CHỦ TỊCH ỦY BAN ĐIỀU HÀNH

Dinh Như Evelyn

TỔNG CÔNG TY CP BẢO HIỂM QUÂN ĐỘI / MILITARY INSURANCE CORPORATION

Tầng 5, 6 - Số 21 Cát Linh, Q. Đống Đa, TP. Hà Nội / Floor 5,6 - No. 21, Cat Linh, Dong Da District, Hanoi City

Hotline: 1900 55 88 91 Fax: (024) 6285 3366

Email: info@mic.vn Web: www.mic.vn - www.emic.vn

BẢNG TỶ LỆ TRẢ TIỀN THƯƠNG TẬT

(Ban hành theo Quyết định số: ~~274~~2023/QĐ-MIC ngày 27/12/2023 của Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Quân Đội)

STT	QUYỀN LỢI	TỶ LỆ TRẢ TIỀN BẢO HIỂM (%)
I. THƯƠNG TẬT TOÀN BỘ VĨNH VIỄN		
1	Mất, liệt hoàn toàn và không thể phục hồi được chức năng của: hai tay; hoặc hai chân; hoặc một tay và một chân; hoặc hai mắt; hoặc một tay và một mắt; hoặc một chân và một mắt	100
II. THƯƠNG TẬT BỘ PHẬN VĨNH VIỄN		
1	Rối loạn tâm thần hoàn toàn không thể chữa được	80
2	Hông hoàn toàn chức năng nhai và nói	80
3	Mất hoàn toàn khả năng lao động và làm việc (toàn bộ bị tê liệt, bị thương dẫn đến tình trạng nằm liệt giường hoặc tàn phế vĩnh viễn)	80
4	Cắt hoàn toàn một bên phổi và một phần phổi bên kia	80
	A. CHI TRÊN	
5	Mất một cánh tay từ vai xuống (tháo khớp vai)	75
6	Cắt cụt cánh tay từ dưới vai xuống	70
7	Cắt cụt một cánh tay từ khuỷu xuống (tháo khớp khuỷu)	65
8	Mất trọn một bàn tay hay năm ngón của một bàn	60
9	Mất 4 ngón tay trên một bàn	40
10	Mất 3 ngón tay không gồm ngón cái	30
11	Mất 1 ngón cái và 2 ngón khác	35
12	Mất 2 ngón tay	30
13	Mất một ngón cái	20
14	Mất một ngón trỏ	18
15	Mất một ngón giữa hoặc một ngón nhẫn	15
16	Mất cả ngón út	10
	B. CHI DƯỚI	
17	Mất 1 chân từ háng xuống (tháo khớp háng 1 đùi)	75
18	Cắt cụt một đùi	
	- Đường cắt từ 1/3 trên trở lên	70
	- Đường cắt từ 1/3 giữa trở xuống	55
19	Cắt cụt 1 chân từ gối xuống (tháo khớp gối)	60
20	Tháo khớp cổ chân hoặc mất 1 bàn chân	55
21	Mất xương sên	35
22	Mất xương gót	35
23	Mất đoạn xương chày, mắc gãy khớp giả căng chân	35

24	Mất đoạn xương mác	20
25	Mất mắt cá chân	
	- Mất cá ngoài	10
	- Mất cá trong	15
26	Mất cả 5 ngón chân	45
27	Mất 4 ngón cả ngón cái	38
28	Mất 4 ngón trừ ngón cái	35
29	Mất 3 ngón, 3-4-5	25
30	Mất 3 ngón, 1-2-3	30
31	Mất 1 ngón cái và ngón 2	20
32	Mất 1 ngón cái	15
33	Mất 1 ngón ngoài ngón cái	10
34	Cứng khớp háng	45
35	Cứng khớp gối	30
36	Mất phần lớn xương bánh chè và giới hạn nhiều khả năng duỗi cẳng chân trên đùi	45
37	Gãy chân can lệch hoặc mất xương làm ngắn chi	
	- ít nhất 5 cm	40
	- từ 3 – 5 cm	35
38	Liệt hoàn toàn dây thần kinh hông khoeo ngoài	35
39	Liệt hoàn toàn dây thần kinh hông khoeo trong	25
	C. CỘT SỐNG	
40	Cắt bỏ cung sau	
	- Cửa 1 đốt sống	35
	- Cửa 2 - 3 đốt sống trở lên	45
	D. SỌ NÃO	
41	Khuyết xương sọ (chưa có biểu hiện thần kinh, tâm thần)	
	Đường kính dưới 6 cm	25
	Đường kính từ 6 – 10 cm	40
	Đường kính trên 10 cm	50
42	Rối loạn ngôn ngữ do ảnh hưởng của vết thương đại não	
	Nói ngọng, nói lắp khó khăn ảnh hưởng đến giao tiếp	30
	Không nói được (câm) do tổn hại vùng Broca	60
	Mất khả năng giao dịch bằng chữ viết (mất nhận biết về ngôn ngữ do tổn hại vùng Wernicke)	55
	E. LÒNG NGỰC	
43	Cắt bỏ 1-2 xương sườn	15
44	Cắt bỏ từ 3 xương sườn trở lên (mỗi xương sườn cắt bỏ trên 03 xương sườn tăng thêm 5%)	25
45	Cắt bỏ đoạn mỗi xương sườn (mỗi đoạn xương sườn cắt bỏ thêm tăng 3%)	8
46	Cắt toàn bộ 1 bên phổi	70

82

47	Cắt nhiều thùy phổi ở 2 bên, dung tích sống giảm trên 50%	65
48	Cắt nhiều thùy phổi ở 1 bên	50
49	Cắt 1 thùy phổi	35
	G. BỤNG	
50	Cắt toàn bộ dạ dày	75
51	Cắt đoạn dạ dày	50
52	Cắt gần hết ruột non (còn lại dưới 1 m)	75
53	Cắt đoạn ruột non	40
54	Cắt toàn bộ đại tràng	75
55	Cắt đoạn đại tràng	50
56	Cắt bỏ gan phải đơn thuần	70
57	Cắt bỏ gan trái đơn thuần	60
58	Cắt 1/2 của một thùy gan	55
59	Cắt 1/3 của một thùy gan	35
60	Cắt dưới 1/3 của một thùy gan	25
61	Cắt bỏ túi mật	45
62	Cắt bỏ lá lách	40
63	Cắt bỏ đuôi tụy, lách	60
	H. CƠ QUAN TIẾT NIỆU, SINH DỤC	
64	Cắt bỏ 1 thận, thận còn lại bình thường	50
65	Cắt bỏ 1 thận, thận còn lại bị tổn thương hoặc bệnh lý	70
66	Cắt 1 phần thận trái hoặc phải	30
67	Cắt 1 phần bàng quang	27
68	Mất dương vật và 2 tinh hoàn ở người	
	Dưới 55 tuổi chưa có con	70
	Dưới 55 tuổi có con rồi	55
	Trên 55 tuổi	35
69	Cắt bỏ dạ con và buồng trứng 1 bên ở người	
	Dưới 45 tuổi chưa có con	60
	Dưới 45 tuổi có con rồi	30
	Trên 45 tuổi	25
70	Cắt vú ở nữ	
	Dưới 45 tuổi	
	- 1 bên	20
	- 2 bên	45
	Trên 45 tuổi	
	- 1 bên	15
	- 2 bên	30
	I. MẮT	
71	Mất hoặc mù hoàn toàn 1 mắt	
	- Không lắp được mắt giả	55

✍

	- Lắp được mắt giả	50
72	Một mắt thị lực còn đến 1/10	30
73	Một mắt thị lực còn từ 2/10 đến 4/10	12
74	Một mắt thị lực còn từ 5/10 đến 7/10	7
75	Mất hoặc mù hoàn toàn 1 mắt nhưng trước khi xảy ra tai nạn đã mất hoặc mù một mắt	80
	K. TAI , MŨI ,HỌNG	
76	Điếc 2 tai	
	- Hoàn toàn không phục hồi được	75
	- Nặng (Nói to hoặc thét vào tai còn nghe)	60
	- Vừa (Nói to 1 - 2 m còn nghe)	35
	- Nhẹ (Nói to 2 - 4 m còn nghe)	15
77	Điếc 1 tai	
	- Hoàn toàn không phục hồi được	30
	- Vừa	15
	- Nhẹ	8
78	Mất vành tai 2 bên	20
79	Mất vành tai 1 bên	10
80	Sẹo rúm vành tai, chít hẹp ống tai	20
81	Mất mũi hoàn toàn	30
82	Biến dạng mũi	15
83	Vết thương họng sẹo hẹp ảnh hưởng đến nuốt	20
	L. RĂNG , HÀM, MẶT	
84	Mất 1 phần xương hàm trên và 1 phần xương hàm dưới từ cạnh cao trở xuống:	
	- Khác bên	80
	- Cùng bên	75
85	Mất toàn bộ xương hàm trên hoặc dưới	70
86	Mất 1 phần xương hàm trên hoặc 1 phần xương hàm Dưới (từ 1/3 đến 1/2 bị mất) từ cạnh cao trở xuống	35
87	Khớp hàm giả do không liền xương hay khuyết xương	20
88	Mất răng	
	- Trên 8 cái không lắp được răng giả	30
	- Trên 8 cái lắp được răng giả	15
	- Từ 5 – 8 răng	15
	- Từ 3 – 4 răng	8
	- Từ 1 – 2 răng	3
89	Mất 3/4 lưỡi, còn gốc lưỡi (từ đường gai V trở ra)	75
90	Mất 2/3 lưỡi từ đầu lưỡi	50
91	Mất 1/3 lưỡi ảnh hưởng đến phát âm	15
92	Mất 1 phần nhỏ lưỡi (dưới 1/3) ảnh hưởng đến phát âm	10

94

	M. VẾT THƯƠNG PHẦN MỀM (VTPM), BÔNG	
93	Vết thương phần mềm (VTPM) để lại di chứng đau rát, tê, co, kéo lâu dài sau khi liền vết thương, co kéo lâu dài sau khi điều trị	10
94	VTPM để lại di chứng đau rát, tê, co kéo ảnh hưởng đến gân, cơ, mạch máu lớn, thần kinh sau khi điều trị	15
95	VTPM ở ngực, bụng để lại di chứng ảnh hưởng đến hô hấp sau khi điều trị	25
96	VTPM để lại di chứng sẹo cơ cứng làm biến dạng mặt gây trở ngại đến ăn, nhai và cử động cổ	30
97	VTPM khuyết hồng lớn ở xung quanh hốc miệng, vết thương môi và má ảnh hưởng nhiều đến ăn uống	35
98	Mất một phần hàm ếch làm thông giữa mũi và miệng	40
III. THƯƠNG TẬT TẠM THỜI		
	A. CHI TRÊN	
1	Gãy tay can lệch hoặc mất xương làm chi ngắn trên 3 cm và chức năng quay sấp ngửa hạn chế hoặc tạo thành khớp giả	25
2	Gãy xương cánh tay ở cổ giải phẫu	
	- Không phẫu thuật, can tốt, cử động bình thường	15
	- Không phẫu thuật, can xấu, hạn chế cử động khớp vai	30
	- Có phẫu thuật, can tốt, cử động bình thường	25
	- Có phẫu thuật, can xấu, hạn chế cử động khớp vai	35
3	Gãy xương cánh tay	
	- Không phẫu thuật, can tốt, cử động bình thường	10
	- Có phẫu thuật, can tốt, cử động bình thường	20
	- Không phẫu thuật, can xấu, teo cơ	20
	- Có phẫu thuật, can xấu, teo cơ	25
4	Gãy 2 xương cẳng tay	
	- Không phẫu thuật, can tốt, cử động bình thường	12
	- Có phẫu thuật, can tốt, cử động bình thường	15
	- Không phẫu thuật, can xấu, hạn chế cử động sấp ngửa	15
	- Có phẫu thuật, can xấu, hạn chế cử động sấp ngửa	20
5	Gãy 1 xương quay hoặc trụ	
	- Không phẫu thuật, can tốt, cử động bình thường	10
	- Có phẫu thuật, can tốt, cử động bình thường	15
	- Không phẫu thuật, can xấu, hạn chế cử động sấp ngửa	15
	- Có phẫu thuật, can xấu, hạn chế cử động sấp ngửa	20
6	Gãy 2 xương cẳng tay, khớp giả 2 xương	
	- Không phẫu thuật, di chứng khớp giả 2 xương	25
	- Có phẫu thuật, di chứng khớp giả 2 xương	30
7	Gãy 2 xương cẳng tay, khớp giả 1 xương	
	- Không phẫu thuật, di chứng khớp giả 1 xương	15
	- Có phẫu thuật, di chứng khớp giả 1 xương	20
8	Gãy đầu dưới xương quay	
	- Không phẫu thuật, can tốt, cử động bình thường	10
	- Có phẫu thuật, can tốt, cử động bình thường	14
	- Không phẫu thuật, can xấu, hạn chế động tác cổ tay	14
	- Có phẫu thuật, can xấu, hạn chế động tác cổ tay	15

9	Gãy mỏm trâm quay hoặc trụ	
	- Không phẫu thuật, can tốt, cử động bình thường	8
	- Có phẫu thuật, can tốt, cử động bình thường	10
	- Không phẫu thuật, can xấu, hạn chế động tác cổ tay	10
	- Có phẫu thuật, can xấu, hạn chế động tác cổ tay	15
10	Gãy xương cổ tay	
	- Không phẫu thuật, can tốt, cử động bình thường	8
	- Có phẫu thuật, can tốt, cử động bình thường	10
	- Không phẫu thuật, can xấu, hạn chế động tác cổ tay	12
	- Có phẫu thuật, can xấu, hạn chế động tác cổ tay	15
11	Gãy xương đốt bàn (tuỳ mức độ từ 1 đến nhiều đốt, mỗi đốt tăng thêm tương ứng 2%)	8
12	Gãy xương đòn	
	- Không phẫu thuật, can tốt, cử động bình thường	8
	- Có phẫu thuật, can tốt, cử động bình thường	10
	- Không phẫu thuật, can gỗ, cứng vai	15
	- Có phẫu thuật, can gỗ, cứng vai	20
	- Không phẫu thuật, có chèn ép thần kinh mũ vai	25
	- Có phẫu thuật, có chèn ép thần kinh mũ vai	30
13	Gãy xương bả vai	
	- Gãy vỡ, khuyết phần thân xương, không phẫu thuật	8
	- Gãy vỡ ngành ngang, không phẫu thuật	15
	- Gãy vỡ phần khớp vai, không phẫu thuật	25
	- Gãy vỡ, khuyết phần thân xương, có phẫu thuật	10
	- Gãy vỡ ngành ngang, có phẫu thuật	18
	- Gãy vỡ phần khớp vai, có phẫu thuật	35
	Gãy xương ngón tay (tuỳ mức độ từ 1 đến nhiều ngón, mỗi ngón tương ứng tăng thêm 3%)	3
B. CHI DƯỚI		
14	Gãy xương đùi 1/3 giữa hoặc dưới	
	- Không phẫu thuật, can tốt, cử động bình thường	20
	- Có phẫu thuật, can tốt, cử động bình thường	25
	- Không phẫu thuật, can xấu, trục lệch, chân dạng hoặc khép, teo cơ	25
	- Có phẫu thuật, can xấu, trục lệch, chân dạng hoặc khép, teo cơ	35
15	Gãy 1/3 trên hay cổ xương đùi	
	- Không phẫu thuật, can tốt, trục thẳng	25
	- Có phẫu thuật, can tốt, trục thẳng	30
	- Không phẫu thuật, can xấu, chân vẹo, đi đau, teo cơ	30
	- Có phẫu thuật, can xấu, chân vẹo, đi đau, teo cơ	35
16	Khớp giả cổ xương đùi	
	- Không phẫu thuật, di chứng khớp giả cổ xương đùi	45
	- Có phẫu thuật, di chứng khớp giả cổ xương đùi	50
17	Gãy 2 xương cẳng chân (chày - mác)	
	- Không phẫu thuật, can tốt, trục thẳng	18
	- Có phẫu thuật, can tốt, trục thẳng	20
	- Không phẫu thuật, can xấu, chân vẹo	20

92

	- Có phẫu thuật, can xấu, chân vẹo	25
18	Gãy xương chày	
	- Không phẫu thuật, can tốt, trục thẳng	12
	- Có phẫu thuật, can tốt, trục thẳng	15
	- Không phẫu thuật, can xấu, chân vẹo	15
	- Có phẫu thuật, can xấu, chân vẹo	18
19	Gãy đoạn mâm chày	
	- Không phẫu thuật	15
	- Có phẫu thuật	20
20	Gãy xương mác	
	- Không phẫu thuật	10
	- Có phẫu thuật	15
21	Đứt gân bánh chè	
	- Cơ năng khớp gối tốt	15
	- Hạn chế cơ năng khớp gối	20
22	Vỡ xương bánh chè	
	- Không phẫu thuật	10
	- Có phẫu thuật	15
23	Vỡ xương bánh chè bị cứng khớp gối hoặc teo cơ tứ đầu	
	- Không phẫu thuật	20
	- Có phẫu thuật	25
24	Đứt gân Achilles (đã nối lại)	
	- Cơ năng vùng gót chân tốt	10
	- Cơ năng vùng gót chân bị hạn chế	15
25	Gãy xương đốt bàn (tuỳ theo mức độ từ 1 đến nhiều đốt, mỗi đốt tương ứng 2%)	7
26	Vỡ xương gót	
	- Không phẫu thuật	15
	- Có phẫu thuật	20
27	Gãy xương thuyền	15
28	Gãy xương ngón chân (tuỳ mức độ từ 1 đến nhiều đốt, mỗi đốt tương ứng 2%)	4
29	Gãy ngành ngang xương mu	
	- Không dập niệu đạo	20
	- Có dập niệu đạo	25
30	Gãy ụ ngồi	25
31	Gãy xương cánh chậu 1 bên	
	- Không điều trị chỉnh hình	20
	- Có điều trị chỉnh hình	25
32	Gãy xương chậu 2 bên	
	- Méo xương chậu, ảnh hưởng đến sinh đẻ	45
	- Liên xương tốt, không méo xương chậu	40
33	Gãy xương cùng	
	- Không rối loạn cơ tròn, không phẫu thuật	10
	- Có rối loạn cơ tròn, có phẫu thuật	25
	- Có phẫu thuật, không rối loạn cơ tròn	15
	- Không phẫu thuật, có rối loạn cơ tròn	20
34	Tổn thương sụn chêm do chấn thương khớp gối	

72

34.1	Rách, đứt, trật chỗ bám hoặc gây viêm mạn tính	16 - 20
34.2	Nếu phải cắt bỏ và có hậu quả dính khớp gối: Áp dụng tỷ lệ tổn thương khớp gối	
34.3	Cắt bỏ sụn chêm có biến chứng hạn chế một phần cử động gấp - duỗi khớp gối: Áp dụng tỷ lệ tổn thương khớp gối mục 11 trong bảng này	
35	Tổn thương đứt dây chằng khớp gối	
35.1	Đứt dây chằng chéo trước hoặc sau được điều trị phục hồi tốt	11-15
35.2	Đứt dây chằng chéo trước hoặc sau được điều trị phục hồi không tốt hoặc không được điều trị	21-25
35.3	Đứt dây chằng ngoài khớp đã điều trị phục hồi tốt	6-10
35.4	Đứt dây chằng ngoài khớp đã điều trị phục hồi không tốt hoặc không được điều trị	11 - 15
36	Trật khớp gối dai dẳng không điều trị được	8 - 10
C. CỘT SỐNG		
37	Gãy xẹp thân 1 đốt sống	
	- Không phẫu thuật, không liệt tủy	30
	- Có phẫu thuật, không liệt tủy	35
38	Gãy xẹp thân 2 đốt sống trở lên, không phẫu thuật, không liệt tủy	45
39	Gãy vỡ mỏm gai hoặc mỏm bên :	
	- Của 1 đốt sống không phẫu thuật	10
	- Của 1 đốt sống, có phẫu thuật	15
	- Của 2-3 đốt sống không phẫu thuật	20
	- Của 2 - 3 đốt sống, có phẫu thuật	35
D. SỌ NÃO		
40	Lột da đầu toàn bộ (1 phần theo tỉ lệ)	45
41	Vết thương sọ não hở	
	- Xương bị nứt rạn	40
	- Lún xương sọ	30
	- Nhiều mảnh xương đi sâu vào não	50
42	Chấn thương sọ não kín, gãy xương vòm sọ	
	- Đường rạn nứt thường, lõm hoặc lún xương, không điều trị phẫu thuật	20
	- Đường rạn nứt thường, lõm hoặc lún xương, có điều trị phẫu thuật	25
	- Vỡ xương lan xuống nền sọ không có liệt dây thần kinh ở nền sọ không điều trị phẫu thuật	25
	- Gãy xương lan xuống nền sọ không liệt dây thần kinh ở nền sọ, có điều trị phẫu thuật	35
	- Vỡ xương lan xuống nền sọ, liệt dây thần kinh ở nền sọ, không phẫu thuật	35
	- Gãy xương lan xuống nền sọ có liệt dây thần kinh ở nền sọ, có điều trị phẫu thuật	45
43	Chấn thương não	
	- Chấn động não	8
	- Phù não	40
	- Giập não, dẹt não	50
	- Chảy máu khoang dưới nhện	40
	- Máu tụ trong sọ (ngoài màng cứng, trong màng cứng, trong não)	30
E. LÔNG NGỰC		
44	Gãy 1 – 2 xương sườn	
	- Không phẫu thuật	7

	- Có phẫu thuật	10
45	Gãy 3 xương sườn trở lên	
	- Không phẫu thuật	10
	- Có phẫu thuật	15
46	Gãy xương ức đơn thuần, không phẫu thuật (chức năng phân tim và hô hấp bình thường)	15
47	Gãy xương ức đơn thuần, có phẫu thuật (chức năng tim và hô hấp bình thường)	20
48	Mề hoặc rạn xương ức	10
49	Tràn dịch, khí, máu màng phổi (chỉ chọc hút đơn thuần)	4
50	Tràn khí, máu màng phổi (phải dẫn lưu, mổ cầm máu)	20
51	Tổn thương các van tim, vách tim do chấn thương (chưa suy tim)	50
52	Khâu màng ngoài tim:	
	- Phẫu thuật kết quả hạn chế	60
	- Phẫu thuật kết quả tốt	35
G. BỤNG		
53	Khâu lỗ thủng dạ dày	25
54	Khâu lỗ thủng ruột non (tuỳ theo mức độ 1 lỗ hay nhiều lỗ thủng)	30
55	Khâu lỗ thủng đại tràng (tuỳ theo mức độ 1 lỗ hay nhiều lỗ thủng)	30
56	Đụng dập gan, khâu gan	35
57	Khâu vỏ lá lách	25
58	Khâu tụy	30
H. CƠ QUAN TIẾT NIỆU, SINH DỤC		
59	Chấn thương thận (tuỳ theo mức độ và 1 hoặc 2 bên)	
	- Nhẹ (không phải xử lý đặc hiệu, theo dõi dưới 5 ngày)	4
	- Trung bình (phải dùng thuốc đặc trị, theo dõi trên 5 ngày)	10
	- Nặng (có đụng rập, phải can thiệp ngoại khoa)	47
60	Mô thông bàng quang vĩnh viễn	70
61	Khâu lỗ thủng bàng quang	30
I. RĂNG, HÀM, MẶT		
62	Gãy xương hàm trên và hàm dưới, không phẫu thuật, cơ năng các khớp tốt	20
63	Gãy xương hàm trên và hàm dưới, có phẫu thuật, cơ năng các khớp tốt	25
64	Gãy xương hàm trên và hàm dưới, không phẫu thuật, di chứng can xấu gây sai khớp nhai, ăn khó	25
65	Gãy xương hàm trên và hàm dưới, có phẫu thuật, di chứng can xấu gây sai khớp nhai, ăn khó	30
66	Gãy xương gò má, cung tiếp xương hàm trên hoặc xương hàm dưới gây rối loạn nhẹ khớp cắn và chức năng nhai	15
K. TAI, MŨI		
67	Tổn thương thấp mũi (gãy; sập xương chính mũi; vẹo vách ngăn)	
67.1	Không ảnh hưởng đến chức năng thở	7-9
67.2	Ảnh hưởng đến thở rõ rệt đến chức năng thở	11-15
68	Sẹo thủng màng nhĩ hay sẹo xơ dính màng nhĩ do sóng nổ làm giảm sức nghe: Xác định tỷ lệ theo mức độ nghe kém	
L. VẾT THƯƠNG PHẪN MỀM (VTPM), BỎNG		

97

69	VTPM là các vết cắt, chém bề rộng dưới 2 cm gây rách da, rách niêm mạc...không ảnh hưởng đến cơ năng, chiều dài	
	- Từ 2 cm - 4 cm	2
	- Từ trên 4 cm - 7 cm	4
	- Từ trên 7 cm - 10 cm	5
	- Từ trên 10 cm - 15 cm	6
	- Trên 15 cm	7
70	Vết thương phần mềm là các tổn thương dập nát, không để lại di chứng, diện tích	
	- Dưới 9 cm ²	2
	- Từ 9 cm ² đến 12 cm ²	4
	- Từ trên 12 cm ² đến 16 cm ²	5
	- Từ trên 16 cm ² đến 24 cm ²	6
	- Từ trên 24 cm ² đến 30 cm ²	7
	- Từ trên 30 cm ² đến 35 cm ²	8
	- Trên 35 cm ²	9
71	Vết thương phần mềm gây bong gân ở các khớp cổ chân, khớp gối, khớp háng, khớp cổ tay, khớp khuỷu, khớp vai	4
72	Vết thương phần mềm gây trật khớp ở các khớp bàn ngón tay và bàn ngón chân	2
73	Vết thương phần mềm gây trật khớp ở các khớp cổ chân, khớp gối, khớp háng, khớp cổ tay, khớp khuỷu, khớp vai	7
74	Bỏng nông (độ I, độ II)	
	- Diện tích dưới 5 %	3
	- Diện tích từ 5% –15%	10
	- Diện tích trên 15%	15
75	Bỏng sâu (độ III, độ IV, độ V)	
	- Diện tích dưới 5%	20
	- Diện tích từ 5% -15%	35
	- Diện tích trên 15%	60

Nguyên tắc xét trả tiền bảo hiểm

Việc chi trả quyền lợi bảo hiểm theo bảng này tuân theo các nguyên tắc sau đây:

1. Các trường hợp thương tật bộ phận vĩnh viễn thuộc phạm vi bảo hiểm được quy định trong bảng này được chi trả theo tỷ lệ trả tiền bảo hiểm tương ứng và Số tiền bảo hiểm theo quyền lợi bảo hiểm tại quy tắc bảo hiểm hoặc Hợp đồng bảo hiểm/Giấy chứng nhận bảo hiểm.
2. Những trường hợp thương tật bộ phận vĩnh viễn không liệt kê trong bảng này sẽ không được chi trả bảo hiểm.
3. Trường hợp đa thương tật bộ phận vĩnh viễn, số tiền chi trả cho Người được bảo hiểm sẽ không vượt quá số tiền bảo hiểm theo quyền lợi bảo hiểm chính. Trường hợp đa thương tật bộ phận vĩnh viễn ở cùng một chi, tổng số tiền trả cho các thương tật không vượt quá tỷ lệ chi trả của việc mất chi đó.

(Chữ ký)